

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HS-ST
Ngày 20 - 01 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Nhu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Hưng và ông Lưu Ngọc Khoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Điều Smi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Ứng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 tháng 01 và ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 01/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Điều T, sinh năm 1981 tại tỉnh Bình Phước.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Đ1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; tạm trú: Tiểu khu 1537, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 3/12; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: M'ông; tôn giáo: Thiên chúa giáo; giới tính: Nam; con ông Điều N (đã chết) và bà Thị Y; có vợ là Thị N, sinh năm 1982 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2009; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/8/2021, hiện đang bị tạm giam – Có mặt

2. Điều Si M, sinh năm 1998 tại tỉnh Bình Phước.

Nơi cư trú: Bon Đ2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 0/12; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: S'Tiêng; tôn giáo: Tin lành; giới tính: Nam; con ông Điều T và bà Thị T; có vợ là Thị L, sinh năm 2002 và 01 con sinh năm 2021; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/9/2021, hiện đang bị tạm giam – Có mặt

3. Điều Đ, sinh ngày 19/02/2001 tại tỉnh Đắk Nông.

Nơi đăng ký HKTT: Bon S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; tạm trú: Bon Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 0/12; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: M'ông; tôn giáo: Công giáo; giới tính: Nam; con ông Điều S (đã chết) và bà Thị L; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/9/2021, hiện đang bị tạm giam – Có mặt

4. Danh Văn T1 (tên gọi khác: Chó), sinh ngày 12/7/2003 tại tỉnh Đắk Nông.

Nơi đăng ký HKTT: Bon P, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; tạm trú: Bon Đ2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 3/12; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Danh T và bà Thị Z; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/9/2021, hiện đang bị tạm giam – Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Điều Than, Điều Si Môn và Danh Văn Thắng: Ông Phạm Quang Long (vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt) và ông Y Lam (có mặt tại phiên tòa) là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Nông.

Bị hại: Ông Huỳnh Chiến T2 (tên gọi khác: Năm T2), sinh năm 1955;

Địa chỉ: Bon Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Những người làm chứng:

- Anh Trần Văn T3, sinh năm 1992; địa chỉ: Tiểu khu 1525, bon Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

- Ông Điều X, sinh năm 1974, bà Thị N, sinh năm 1982, bà Thị P, sinh năm 1971, bà Điều Thị S, sinh năm 1971, ông Điều P, sinh năm 1981, ông Điều G, sinh năm 1980, ông Điều Y, sinh năm 1964, bà Thị O, sinh năm 1973, anh Điều Nh, sinh năm 1995. Cùng địa chỉ: Tiểu khu 1537, bon Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

- Ông Nguyễn Hữu Q, ông Nguyễn Mạnh H, ông Điều P.

Nơi công tác: Công an xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

(Người làm chứng bà Thị N và anh Trần Văn T3 có mặt, còn tất cả những người làm chứng khác đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Điều T, Điều Đ, Điều Si M và Danh Văn T1 có quan hệ là chú, cậu cháu trong gia đình và là những hộ dân trồng cây mỳ trên diện tích đất đang tranh chấp với Công ty TNHH thương mại đầu tư Hoàng Th (gọi tắt công ty Hoàng Th) tại tiểu khu 1525 thuộc bon Đ, xã Đ, huyện T. Khoảng 18 giờ 00 phút, ngày 09/8/2021, Điều Đ, Điều Si M và Danh Văn T1 ngồi uống nước tại nhà của Điều T. Sau đó,

Danh Văn T1 điều khiển xe mô tô (*loại xe độ chế, không rõ đặc điểm chủng loại*) chở Điều Than đi kiểm tra rẫy trồng cây mỳ của gia đình, trước khi đi T1 mang theo 01 cây gậy lò ô kích thước dài khoảng 01m đường kính 03cm, 01 đèn pin đội đầu còn Điều Si M và Điều Đ đi bộ về nhà.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, Trần Văn T3 là bảo vệ của Công ty Hoàng Th điều khiển xe mô tô (*loại xe độ chế, không rõ đặc điểm chủng loại*) trên xe để 01 con dao đi tuần tra, kiểm soát ngang qua nhà Điều Si M. Lúc này, Điều Si M đang ở nhà thì nghe tiếng xe mô tô chạy ngoài đường lúc đi, lúc dừng nên Điều Si M lấy đèn pin đội đầu ra xem thì gặp Điều Đ nên cả hai cùng đi bộ về nhà Điều T để mượn xe mô tô đi kiểm tra rẫy, vừa lúc đó gặp Điều T và Danh Văn T1 mới đi về nên Điều Si M kể lại cho T và T1 nghe rồi cả nhóm thống nhất đuổi theo Trần Văn T3. Điều Si M điều khiển xe mô tô biển số 93L1-264.64 (xe của anh Phạm Văn Th là con rể của Điều T) chở Điều Đ, mỗi người mang theo 01 cây gậy lò ô kích thước dài khoảng 80cm đường kính 02cm đi trước; Danh Văn T1 điều khiển xe mô tô loại xe độ chế, không rõ đặc điểm chủng loại chở Điều T đi sau, khi đi mang theo 01 cây gậy lò ô kích thước dài khoảng 01m đường kính 03cm và 01 đèn pin đội đầu.

Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, Trần Văn T3 điều khiển xe đến đoạn đường thuộc tiểu khu 1525 hướng về công ty Hoàng Th thì xe bị hỏng, cùng lúc T3 phát hiện Điều Si M và Điều Đ cầm gậy đi đến nên T3 lấy con dao trên xe chạy vào vườn mỳ cầm dao rồi tìm chỗ để trốn. Điều Si M, Điều Đ, Điều T và Danh Văn T1 đi đến vị trí xe của T3 thì dừng lại. Khoảng 05 phút sau, ông Huỳnh Chiến T2 là quản lý của công ty Hoàng Th điều khiển xe mô tô biển số 48H1-183.27 đi đến thấy nên đứng lại nói chuyện. Lúc này, Trần Văn T3 nghe thấy tiếng của ông Huỳnh Chiến T1 nên đi bộ từ dưới vườn mỳ lên. Thấy T3 đi đến thì nhóm Điều T cho rằng T3 phá cây mỳ của gia đình mình nên quát tháo, chửi bới dẫn đến mâu thuẫn, xô xát làm Điều T bị thương. Trần Văn T3 bỏ chạy, nhóm Điều T đuổi theo nhưng không bắt được nên quay lại vị trí ông Huỳnh Chiến T2. Lúc này, Điều T đưa cánh tay trái cho ông T2 xem vết thương, đồng thời nói Điều Si M, Điều Đ và Danh Văn T1 bắt ông Huỳnh Chiến T2 về nhà Điều T để giải quyết thì cả ba đồng ý. Lúc này, ông Huỳnh Chiến T2 đang ngồi trên xe, Điều T đã có hành vi dùng tay phải nắm chặt tay trái ông Huỳnh Chiến T2 kéo rời khỏi xe và rút chìa khóa xe đút vào túi quần. Ông Huỳnh Chiến T2 không đồng ý đi thì bị cả nhóm chửi, dọa đánh nên ông T2 miễn cưỡng đi theo. Điều T dẫn ông Huỳnh Chiến T2 đi bộ quãng đường khoảng 550m về nhà, còn Điều Si M, Điều Đ, Danh Văn T1 đi 02 xe mô tô phía sau rồi đèn, hỗ trợ Điều T và đề phòng Trần Văn T3 quay lại đánh cả nhóm. Khoảng 21 giờ 10 phút, thì Điều T dẫn ông Huỳnh Chiến T2 về đến nhà mình, Điều T yêu cầu ông Huỳnh Chiến T2 ngồi ở bàn ghế gỗ và tiếp tục lớn tiếng chửi. Do sự việc ồn ào nên ông Điều X, bà Thị P, Điều Thị S, Điều P, Điều G, Điều Y, Thị O, Điều N, Thị N (đều trú tại bon Đ, xã Đ, huyện T) và khoảng 10 người (chưa xác định nhân thân, lai lịch) đến xem. Lúc này, Điều T tiếp tục có hành vi dùng tay phải tát vào

má của ông Huỳnh Chiến T2 làm gãy một cái răng, sau đó T nói Điều Si M, Điều Đ, Danh Văn T1 và nhờ Điều X quay lại lấy xe của ông T2 và xe của Trần Văn T3 mang về nhà cất giữ, còn T đi vào nhà nằm. Thị N (là vợ Điều T) bức xúc việc chồng mình bị đánh nên tiến đến chửi, còn Điều Y bức xúc việc ông Huỳnh Chiến T2 ngăn cản không cho canh tác trên diện tích đất lấn chiếm nên tiến đến tát vào mặt ông Huỳnh Chiến T2 hai cái nhưng không gây thương tích. Thấy vậy, ông Điều X R tiến đến can ngăn, đồng thời gọi điện thoại báo cho Công an xã Đ đến giải quyết sự việc.

Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, Điều T nhờ Điều Si M, Điều Đ và Điều N chở đến trạm xá xã Đ khâu vết thương. Trước khi đi, Điều T nói với mọi người giữ ông Huỳnh Chiến T2 lại để T về giải quyết sự việc. Do thấy đông người nên ông Huỳnh Chiến T2 vẫn ngồi yên tại chỗ không dám đi đâu. Khoảng 22 giờ cùng ngày, lực lượng Công an xã Đ đến làm việc. Khoảng 30 phút sau trong lúc lực lượng Công an xã đang làm việc thì Điều T đi khâu vết thương về tiếp tục ném đèn pin đội đầu vào vùng ngực ông Huỳnh Chiến T2. Thấy vậy, anh Nguyễn Hữu Q can ngăn, lập biên bản vụ việc và tiếp nhận 02 xe mô tô do Điều T giao nộp. Sau đó yêu cầu mọi người giải tán.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 241/TgT ngày 07/9/2021 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Đắk Nông, kết luận Huỳnh Chiến T2 bị: gãy răng R34, tỷ lệ 1,5% làm tròn bằng 2%; vết thương sung nề, bầm tím vùng hông lưng trái, vùng cẳng tay trái theo quy định tại thông tư 22/2019/TT-BYT của Bộ y tế không quy định tỷ lệ % thương tích. Các tổn thương do vật tày tác động gây nên.

Cáo trạng số: **02/CTr-VKS** ngày **08/12/2021** của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố bị cáo Điều T về tội: “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự; các bị cáo Điều Si M, Điều Đ, Danh Văn T1 về tội: “*Bắt người trái pháp luật*” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Điều T và các bị cáo Điều Si M, Điều Đ, Danh Văn T1 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như tại Cơ quan cảnh sát điều tra và thừa nhận Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố các bị cáo về tội: “*Bắt người trái pháp luật*” theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự là đúng, không oan. Riêng bị cáo Điều T đề nghị HĐXX và Viện kiểm sát xem xét lại hành vi giữ người trái pháp luật của bị cáo vì khi bắt ông T2 bị cáo chỉ nhằm mục đích buộc ông T2 phải có trách nhiệm với hành vi của Trần Văn T3 chém bị cáo bị thương ở tay, vì T3 là lính của ông Thắng.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức quyết định rút một phần Cáo trạng truy tố đối với bị cáo Điều T về hành vi “*Giữ người trái pháp luật*” vẫn giữ nguyên các quyết định khác của Cáo trạng. Sau khi xem xét các chứng cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Điều T, Điều Si M, Điều Đ, Danh Văn T1 phạm tội: “*Bắt người trái pháp luật*”. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Điều T từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/8/2021. Các bị cáo Điều Si M, Điều Đ, Danh Văn T1 từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/9/2021.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô biển số 93L1-264.64 của anh Phạm Văn T do Điều Si M điều khiển đi xuống rẫy mỳ và rọi đèn để đưa ông Huỳnh Chiến T2 về nhà Điều T, quá trình điều tra xác định anh Phạm Văn T không biết mục đích sử dụng của Điều Si M nên không đề cập xử lý.

Đối với 01 xe mô tô (xe độ chế, không rõ đặc điểm chủng loại) của gia đình Điều T do Danh Văn T1 điều khiển làm phương tiện đi đến rẫy mỳ, sau khi sự việc xảy ra chiếc xe đã bị hỏng nên Thị N đã bán cho một người mua sắt vụn không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

Đối với 03 đèn pin đội đầu của Điều T, Điều Si M, Danh Văn T1 và 03 cây gậy của Điều Si M, Điều Đ, Danh Văn T1 sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội, trong quá trình điều tra xác minh, truy tìm, xác định đã bị đốt và bị mất, không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Theo đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại bị hại ông Huỳnh Chiến T2 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 32.500.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị hại và các bị cáo đã thỏa thuận được với nhau là các bị cáo phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000đ, cụ thể mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 2.500.000đ, việc thỏa thuận bồi thường giữa các bị cáo và bị hại là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại.

Đối với hành vi của Điều T dùng tay tát vào má gây thương tích với tỷ lệ 02% và Điều Y dùng tay tát ông Huỳnh Chiến T2 nhưng không gây thương tích, quá trình điều tra ông T2 đã có đơn đề nghị không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự nên Cơ quan điều tra Công an huyện Tuy Đức đã chuyển Công an huyện Tuy Đức ra quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với Điều T, Điều Y theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi của Thị N, Điều Y, Điều X, Điều P, Điều G không biết động cơ, mục đích phạm tội của Điều T, quá trình điều tra xác định không có dấu hiệu đồng phạm nên không đề cập xử lý.

Đối với hành vi của Điều T nhờ Điều Si M, Điều Đ, Danh Văn T1 và Điều X trực tiếp đi lấy xe mô tô của ông Huỳnh Chiến T2 và Trần Văn T3, quá trình

điều tra xác định Điều T, Điều Si M, Điều Đ, Danh Văn T1 và Điều X không có ý thức chiếm đoạt nên không đề cập xử lý.

Đối với hành vi của Trần Văn T3 dùng dao chém Điều T gây thương tích với tỷ lệ 02%. Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức đã điều tra, xử lý trong vụ án khác nên không đề cập.

Người bào chữa cho các bị cáo Điều T, Điều Si M và Danh Văn T1 trình bày: Việc viện kiểm sát rút yêu cầu truy tố đối với bị cáo Điều T về hành vi phạm tội: “Giữ người trái pháp luật” là có căn cứ nên không có ý kiến gì. Còn các bị cáo bị truy tố về tội: “Bắt người trái pháp luật” là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Người bào chữa thống nhất việc Viện kiểm sát áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đã đầy đủ. Tuy nhiên, về mức đề nghị hình phạt đối với bị cáo Điều T từ 09 đến 12 tháng là quá cao, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt và xử phạt bị cáo Điều T 06 tháng tù. Còn các bị cáo Điều Si M, Danh Văn T1 đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo mức hình phạt bằng với thời hạn tạm giam và trả tự do cho các bị cáo tại phiên tòa cũng đảm bảo được mục đích của hình phạt và răn đe, giáo dục được các bị cáo, đồng thời đề nghị cho các bị cáo được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo theo quy định, vì các bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa thấp, khả năng nhận thức pháp luật còn rất hạn chế và sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Người bào chữa đồng ý việc Viện kiểm sát rút một phần Cáo trạng truy tố đối với bị cáo Điều T về tội giữ người trái pháp luật, không có ý kiến gì thêm.

Bị cáo Điều T không có ý kiến gì và đồng ý việc Viện kiểm sát rút một phần Cáo trạng truy tố đối với hành vi phạm tội: “Giữ người trái pháp luật”.

Bị hại tại phiên tòa không có ý kiến gì và đề nghị HĐXX xét xử các bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Tuy Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát rút một phần Cáo trạng truy tố đối với bị cáo Điều T về hành vi phạm tội “Giữ người trái pháp luật”. Vì khi bắt ông Thắng về đến nhà của mình thì bị cáo Điều T không có phân công cho các bị cáo khác hay nhờ một ai giữ ông T2, bị cáo cho ông T2 ngồi tại sân nhà trong khoảng thời gian hơn 01 tiếng, lúc này có rất đông hàng xóm, bà con của các bị cáo đến xem nên làm ông T2 có tâm lý lo sợ không dám đi về. Đồng thời, bị cáo đến Trạm y tế xã Đ để khâu vết thương ở tay, khi về đến nhà thì Công an xã Đ xuống giải quyết. Mặt khác, bị cáo Điều T là đồng bào dân tộc thiểu số, có trình độ văn hóa thấp nên khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế, chưa nhận thức được hành vi bắt, giữ ông Huỳnh Chiến T2 là vi phạm pháp luật. Do vậy, việc Viện kiểm sát rút một phần Cáo trạng truy tố đối với bị cáo Điều T về tội “Giữ người trái pháp luật” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, thể hiện: Do có mâu thuẫn trong việc tranh chấp đất đai và bức xúc vì bị Trần Văn T3 chém gây thương tích nên khoảng 20 giờ 35 phút ngày 09/8/2021 tại tiểu khu 1525, thuộc bon Đ, xã Đ, huyện T, Điều T cùng Điều Si M, Điều Đ, Danh Văn T1 đã thực hiện hành vi bắt ông Huỳnh Chiến T2 và dẫn ông T2 đi bộ quãng đường khoảng 550m về nhà Điều T, đến khi lực lượng Công an xã Đ vào giải quyết mới cho ông T2 đi về. Vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Điều T, Điều Si M, Điều Đ, Danh Văn T1 phạm tội: “*Bắt người trái pháp luật*” theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự. Cáo trạng số: **02/CTr-VKS** ngày **08/12/2021** của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố các bị cáo về tội: “*Bắt người trái pháp luật*” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và có căn cứ.

Tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội do các bị cáo gây ra là ít nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo biết mình không có thẩm quyền để bắt người nhưng đã đe dọa dùng vũ lực, dùng số đông để bắt ông T2 trái phép. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền tự do thân thể của người khác, quyền tự do của công dân được pháp luật quy định và bảo vệ. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức được hành vi bắt người khác trái pháp luật là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị

cáo đã gây ra. Các bị cáo thực hiện hành vi bộc phát, không có sự phân công, câu kết chặt chẽ, chỉ là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, Điều T là người thực hành tích cực, chỉ đạo các bị cáo Điều Si M, Điều Đ, Danh Văn T1 bắt ông T2 dẫn giải về nhà mình nên phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác là phù hợp.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt và tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, là đồng bào dân tộc thiểu số có trình độ văn hóa thấp (*các bị cáo Điều Si M, Điều Đ không biết chữ*), có hoàn cảnh kinh tế khó khăn (*các bị cáo Điều Đ và Danh Văn T1 là hộ nghèo*) và sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước.

[6] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng hành vi bắt người trái pháp luật của các bị cáo đã gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương nên cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và răn đe phòng ngừa chung.

[7] Về xử lý vật chứng vụ án: Đối với 01 xe mô tô biển số 93L1-264.64 của anh Phạm Văn Th do Điều Si M điều khiển đi xuống rẫy mỳ và rơi đèn để đưa ông Huỳnh Chiến T2 về nhà Điều T, quá trình điều tra xác định anh Phạm Văn Th không biết mục đích sử dụng của Điều Si M nên không đề cập xử lý.

Đối với 01 xe mô tô (*xe độ chế, không rõ đặc điểm chủng loại*) của gia đình Điều T do Danh Văn Th điều khiển làm phương tiện đi đến rẫy mỳ, sau khi sự việc xảy ra chiếc xe đã bị hỏng nên vợ của Điều T là Thị N đã bán cho một người mua sắt vụn không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

Đối với 03 đèn pin đội đầu của Điều T, Điều Si M, Danh Văn T1 và 03 cây gậy của Điều Si M, Điều Đ, Danh Văn T1 sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội, trong quá trình điều tra xác minh, truy tìm, xác định đã bị đốt và bị mất, không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Theo đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại ngày 15/12/2021, bị hại ông Huỳnh Chiến T2 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 32.500.000đồng, gồm các khoản bồi thường sau: Tiền thuốc, viện phí và trông răng:

3.000.000đ; tiền thuê xe đi cấp cứu: 2.000.000đ; tiền mất thu nhập, không lao động được trong 45 ngày: 22.500.000đ; tiền tổn thất tinh thần: 5.000.000đ.

Tại phiên tòa các bị cáo và bị hại đã thỏa thuận với nhau về mức bồi thường với số tiền là 10.000.000 đồng, trong đó mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền là 2.500.000 đồng, sự thỏa thuận bồi thường giữa các bị cáo và bị hại là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận và buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại số tiền là 10.000.000 đồng.

[9] Đối với hành vi của Điều T dùng tay tát vào má gây thương tích với tỷ lệ 02% và Điều Y dùng tay tát ông Huỳnh Chiến T2 nhưng không gây thương tích, quá trình điều tra ông T2 đã có đơn đề nghị không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự nên Cơ quan điều tra Công an huyện Tuy Đức đã chuyển Công an huyện Tuy Đức ra quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với Điều T, Điều Y theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi của Thị N, Điều Y, Điều X, Điều P, Điều G không biết động cơ, mục đích phạm tội của Điều T, quá trình điều tra xác định không có dấu hiệu đồng phạm nên không đề cập xử lý.

Đối với hành vi của Điều T nhờ Điều Si M, Điều Đ, Danh Văn T1 và Điều X trực tiếp đi lấy xe mô tô của ông Huỳnh Chiến T2 và Trần Văn T3, quá trình điều tra xác định Điều T, Điều Si M, Điều Đ, Danh Văn T1 và Điều X không có ý thức chiếm đoạt nên không đề cập xử lý.

Đối với hành vi của Trần Văn T3 dùng dao chém Điều T gây thương tích với tỷ lệ 02%. Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức đã điều tra, xử lý trong vụ án khác nên không đề cập.

[10] Xét quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo Điều T, Điều Si M, Danh Văn T1 đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Điều T và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo Điều Si M, Danh Văn T1 dưới khung hình phạt và mức hình phạt bằng với thời hạn tạm giam, trả tự do cho các bị cáo tại phiên tòa. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo an ninh trật tự tại xã Đ nói riêng và trên địa bàn huyện T nói chung, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm, không áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Điều Si M, Danh Văn T1 mới đảm bảo được mục đích của hình phạt và cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân tốt, có ích cho xã hội và răn đe, phòng ngừa chung.

[11] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tại phiên tòa là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, về phần đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Điều T từ 09 tháng đến 12 tháng là có phần nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Điều T dưới mức hình phạt do Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, cũng đảm bảo được mục đích của hình phạt.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên các bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo Điều Đ, Danh Văn T1 là hộ nghèo và các bị cáo có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Điều T, Điều Si M, Điều Đ, Danh Văn T1 phạm tội: *“Bắt người trái pháp luật”*.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt:

Bị cáo Điều T **08** (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/8/2021.

Bị cáo Điều Si M **06** (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/9/2021.

Bị cáo Điều Đ **06** (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/9/2021.

Bị cáo Danh Văn T1 **06** (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/9/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 587, Điều 590 Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo Điều T, Điều Si M, Điều Đ, Danh Văn T1 phải liên đới bồi thường cho bị hại ông Huỳnh Chiến T2 số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Trong đó, mỗi bị cáo phải bồi thường cho bị hại ông Huỳnh Chiến T2 số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bị hại có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị cáo chưa trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi tương ứng với lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ Điều 12; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Điều T, Điều Si M, Điều Đ và Danh Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo Điều T, Điều Si M, Điều Đ và Danh Văn T1 theo quy định của pháp luật

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV06, PC10 - CA tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- CA huyện Tuy Đức;
- Chi Cục THADS huyện Tuy Đức;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Văn Nhu